TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 5 - 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Xuân Hòa
2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/4/2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị B, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh Ch có quá trình quen biết và tìm hiểu một thời gian. Sau đó hai bên tự nguyện đến UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà riêng ở thôn T, xã Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ch không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con. Chị góp ý thì anh Ch không nghe mà còn gây sự, có những lời nói xúc phạm và thỉnh thoảng còn đánh đập chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Ch vẫn không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng. Đến năm 2016 hai bên sống ly

thân cho đến nay, không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, ai biết và lo công việc nấy. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết xin được ly hôn anh Ch để sớm ổn định cuộc sống bản thân để nuôi dạy con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Minh Ch đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Toà án đã phối hợp với UBND xã nơi anh Ch thường trú để tổ chức hoà giải nhưng anh Ch vẫn không đến. Toà án đã đến nhà anh Ch để tiến hành lấy lời khai và hoà giải. Tại biên bản lấy lời khai và hoà giải ngày 14/3/2019, anh Nguyễn Minh Ch trình bày: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống vợ chồng đúng như chị B khai trước Toà. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phải đi làm ăn xa, thời gian vợ chồng gặp nhau ít, nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra căng thẳng. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị B làm đơn xin ly hôn là quyền của chị B, riêng anh là người theo đạo Thiên Chúa nên việc ly hôn là có tội, ngoài ra anh vẫn còn tình cảm với chị B nên anh không có ý kiến gì về việc chị B xin ly hôn anh. Tuy nhiên, anh Ch không ký vào biên bản hoà giải và anh cho rằng lần sau Toà án triệu tập anh vào trụ sở Toà án hoà giải thì anh sẽ vào, nhưng Toà án đã triệu tập anh nhiều lần nhưng anh vẫn không đến Toà án để hoà giải. Ngày 16/4/2019 Toà án đã mở phiên toà nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên toà.

Về quan hệ con chung: Chị B, anh Ch đều khai nhận vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 24/02/2005 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/01/2011. Hai con chung sống cùng chị B kể từ năm 2016 đến nay nên đều có nguyện vọng được ở cùng chị B nếu hai bên ly hôn. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Ch đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng; còn anh Ch thì cho rằng nếu chị B cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M và giao cháu Thu Th cho chị Bông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị B và anh Ch đều khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành lấy lời khai, hoà giải và bị đơn đã trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không ký vào biên bản hoà giải. Ngày 16/4/2019 Toà án đã tiến

hành mở phiên toà nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Nguyễn Minh Ch; về quan hệ con chung: giao hai con chung Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 24/02/2005 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Trần Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Minh Ch phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; về quan hệ tài sản và nợ chung: Các đương sự thoả thuận tự phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không xem xét. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị B và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn anh Nguyễn Minh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và hoà giải ngày 14/3/2019, anh Nguyễn Minh Ch đã trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 16/4/2019 Toà án đã tiến hành mở phiên toà lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Minh Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông

cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do hai bên thiếu quan tâm lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, nên thường có lời nói xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau, dẫn đến cãi vã, thỉnh thoảng còn đánh nhau. Không chịu nổi cuộc sống chung cùng nhau nên từ năm 2016 đến nay hai bên sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì đến nhau làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Hiện tại chị B khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh Ch để sớm ổn định cuộc sống bản thân; còn anh Ch cho rằng anh là người theo đạo Thiên Chúa nên việc ly hôn vợ là có tội, nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, ai biết và lo công việc nấy, không quan tâm, lo lắng gì đến nhau. Vì vậy, chị B kiên quyết ly hôn thì tuỳ chị, anh không có ý kiến. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Ch nhiều lần, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đã tiến hành mở phiên toà nhưng anh Ch đã cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện anh Ch không hề quan tâm, lo lắng gì đến gia đình, mà để mặc cho chị B muốn làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị B, anh Ch và các con chung thấy. Từ khi hai bên vợ chồng sống ly thân cho đến nay các con chung đều sống cùng chị B. Anh Ch để mặc các con chung sống cùng chị B, không quan tâm, đưa tiền cho chị B để lo lắng cho cuộc sống của các cháu, nhưng chị B cũng đã quan tâm, lo lắng cho các cháu đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập. Ngoài ra, chị B cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, các con của anh chị đều có nguyện vọng được ở cùng chị B. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho chị Trần Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn Minh Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị B mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên, mức thu nhập bình quân tại địa phương và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82, 83 và Điều 110 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị B, anh Ch có ý kiến thoả thuận tự phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị B, anh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Minh Ch.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B, xử cho chị Trần Thị B ly hôn anh Nguyễn Minh Ch. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: xử giao hai con chung Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 24/02/2005 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Trần Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Minh Ch phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: xử buộc chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Nguyễn Minh Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền án phí chị B phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001252 ngày 18/02/2019. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Dương Viết Hải